TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 02 - 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Liêm

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 927/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 639/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bé Th, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số 426/3B, tổ 38, khóm ĐT3, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp KB1, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Bé Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Trần Văn L do mai mối nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (Giấy chứng nhận kết hôn số 103/KH.MP quyển số 01/08, ngày 29/02/2008). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà của cha mẹ Chị Th tại địa chỉ khóm ĐT3, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang. Trong quá trình chung sống, khi Chị Th mang thai đứa con thứ 2 tên Trần Thị Thảo Ng, sinh ngày 18/02/2014 thì vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, bất đồng quan điểm sống, anh L không quan tâm gia đình, không đi làm kiếm thu nhập lo cho gia đình. Mâu thuẫn kéo dài đến khoảng năm 2019 thì trở nên gay gắt nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không còn tiếng nói chung trong gia đình. Đến đầu năm 2022 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay do anh L chuyển về chung sống cùng mẹ ruột tại ấp KB1, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang. Nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh L không quan tâm gia đình, không quan tâm vợ con, không có trách nhiệm với vợ con, anh L còn có hành vi tham gia đánh bạc gây nợ nần, Chị Th phải bán nhà để trả nợ cho anh L, bản thân anh L không làm tròn trách nhiệm của một người chồng, người cha trong gia đình. Chị Th đã cho anh L nhiều cơ hội để sửa chữa sai lầm nhưng anh L không thay đổi. Từ khi vợ chồng sống ly thân, hai bên gia đình không có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Chị Th và anh L. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay Chị Th yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn L.

- Về con chung: Chị Th và anh Trần Văn L có 03 con chung tên Trần Thành V, sinh ngày 12/5/2009; Trần Thị Thảo Ng, sinh ngày 18/02/2014 và Trần Thị Kim X, sinh ngày 01/10/2019. Hiện nay, các con chung đang do Chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, Chị Th yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh L và Chị Th do mai mối nên tiến đến hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà của cha mẹ Chị Th. Chung sống đến khoảng tháng 10/2022 thì vợ chồng không còn sống chung với nhau, do anh L đi làm thuê ở tỉnh Long An để có tiền trả nợ. Cụ thể, từ khoảng tháng 5/2022, anh L có tham gia đánh bạc nên gây nợ nần khoảng hơn 60.000.000 đồng, do đó, anh L phải bỏ vợ, con, gia đình để đi đến tỉnh Long An làm thuê kiếm tiền trả nợ. Trước đây, anh L cũng có tham gia đánh bạc làm Chị Th phải bán nhà để trả nợ. Sau những lần đánh bạc, gây nợ nần thì Chị Th đã nhiều lần khuyên ngăn để anh L thay đổi nhưng anh L chỉ bỏ được một thời gian rồi quay lại tiếp tục tham gia đánh bạc và gây nợ nần. Anh L

có cố gắn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Việc Chị Th làm đơn xin ly hôn là do lỗi của anh L, cụ thể là anh L gây nợ nần, không làm tròn trách nhiệm làm chồng, làm cha. Tuy nhiên, đối với yêu cầu xin ly hôn của Chị Th thì anh L không đồng ý, do anh L còn thương vợ, thương con.

- Về con chung: Anh L và Chị Th có 03 con chung tên Trần Thành V, sinh ngày 12/5/2009; Trần Thị Thảo Ng, sinh ngày 18/02/2014 và Trần Thị Kim X, sinh ngày 01/10/2019. Hiện nay, các con chung do Chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh L không có gửi tiền cho Chị Th nuôi con là vì anh L còn thiếu nợ nên không có tiền để đưa Chị Th nuôi con. Anh L không yêu cầu nuôi con và đồng ý cho Chị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; anh L không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Chị Phạm Thị Bé Th trình bày: Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm sống, anh L không quan tâm gia đình, không lo làm việc kiếm thu nhập để lo cho gia đình, không có trách nhiệm với vợ, con và có hành vi tham gia đánh bạc dẫn đến nợ nần. Chị Th đã cho anh L cơ hội để sửa chữa nhiều lần nhưng anh L không thay đổi. Đỉnh điểm phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng không còn tiếng nói chung vào năm 2019. Đến đầu năm 2022, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên không có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh L và Chị Th. Bản thân anh L và Chị Th cũng có hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng do anh L không thay đổi tính tình nên không hàn gắn được. Do đó, Chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh L; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bé Th. Chị Phạm Thị Bé Th được quyền ly hôn anh Trần Văn L. Chị Phạm Thị Bé Th được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thành V, sinh ngày 12/5/2009; Trần Thị Thảo Ng, sinh ngày 18/02/2014 và Trần Thị Kim X, sinh ngày 01/10/2019; anh Trần Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị Bé Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn L, yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Trần Văn L có nơi cư trú tại ấp KB1, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, anh Trần Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Bé Th và anh Trần Văn L đều xác định Chị Th và anh L kết hôn vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang vào ngày 29/02/2008 theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh L không quan tâm vợ con, không lo làm việc kiếm thu nhập lo cho gia đình và có hành vi tham gia đánh bạc gây nợ nần nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cự cãi từ năm 2014 cho đến nay. Đỉnh điểm phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019, đến đầu năm 2022 thì vợ chồng không còn tiếng nói chung và sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên không có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Chị Th và anh L; bản thân Chị Th đã cho anh L cơ hội nhiều lần để sửa đổi tính tình nhưng anh L không thay đổi và nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do lỗi của anh L.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, có đủ căn cứ xác định: Mâu thuẫn giữa Chị Th và anh L phát sinh từ năm 2014 do anh L không quan tâm vợ con, không lo làm việc kiếm thu nhập lo cho gia đình và có hành vi tham gia đánh bạc gây nợ nần, Chị Th đã cho anh L cơ hội để sửa đổi nhưng anh L không sửa đổi nên vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn; vợ chồng đã cho nhau cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng do anh L không thay đổi tính tình nên vợ chồng không hàn gắn được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Chị Th và anh L theo quy định của pháp luật nhưng không hàn gắn được. Mặt khác, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do lỗi của anh L, mặc dù anh L không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương vợ, thương con nhưng Chị Th đã nhiều lần cho cơ hội để anh L sửa đổi tính tình nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh L không thực hiện; quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, anh L cho rằng còn thương vợ và tiếp tục hứa sẽ thay đổi tính tình nhưng

cũng không có biện pháp tích cực nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và vắng mặt không có lý do chính đáng trong 02 lần mở phiên tòa xét xử vụ án, thể hiện anh L không có thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa Chị Th và anh L. Do đó, có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa Chị Th và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc Chị Th yêu cầu ly hôn anh L phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung: Chị Phạm Thị Bé Th và anh Trần Văn L đều xác định, Chị Th và anh L có 03 con chung tên Trần Thành V, sinh ngày 12/5/2009; Trần Thị Thảo Ng, sinh ngày 18/02/2014 và Trần Thị Kim X, sinh ngày 01/10/2019, hiện nay con chung đang sống với Chị Th. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, có đủ căn cứ xác định Chị Th và anh L có 03 con chung là Trần Thành V, Trần Thị Thảo Ng và Trần Thị Kim X, hiện nay các con chung đang sống với Chị Th.

Anh L và Chị Th thống nhất để Chị Th được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung khi Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa Chị Th và anh L. Xét thấy, việc giao con chung cho người chăm sóc, nuôi dưỡng khi Chị Th và anh L ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Căn cứ lời trình bày của anh L, trong quá trình các con chung sống cùng Chị Th thì các con vẫn sinh sống, phát triển bình thường. Mặt khác, các con chung sống với Chị Th từ nhỏ cho đến nay nên tình cảm của các cháu đã gắn liền với người nuôi dưỡng, cháu Vàng và cháu Ngọc cũng có nguyện vọng được sống với Chị Th. Để ổn định cuộc sống cho cháu Trần Thành V, cháu Trần Thị Thảo Ng và cháu Trần Thị Kim X, giúp các cháu phát triển tốt nhất về vật chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy việc Chị Th và anh L thống nhất để Chị Th được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị Bé Th là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn nên anh Trần Văn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị Phạm Thị Bé Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị Bé Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bé Thảo.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Bé Th được ly hôn anh Trần Văn L.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 103/KH.MP, quyển số 01/08, ngày 29/02/2008 do Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho chị Phạm Thị Bé Th và anh Trần Văn L không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Chị Phạm Thị Bé Th được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thành V, sinh ngày 12/5/2009; Trần Thị Thảo Ng, sinh ngày 18/02/2014 và Trần Thị Kim X, sinh ngày 01/10/2019; hiện nay con chung đang sống với chị Phạm Thị Bé Th.

Anh Trần Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Thị Bé Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Văn L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Bé Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0012877 ngày 11/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự

vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Sang